


PHỤ LỤC 17

(Kèm theo Thông tư số 28/2010/TT-BCT ngày 28 tháng 6 năm 2010 của Bộ Công Thương)

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

SEA WEED FLAKE		Logo của doanh nghiệp	
Số CAS: 84775-78-0 Số UN: Số đăng ký EC: Số chỉ thị nguy hiểm của các tổ chức xếp loại (nếu có): Số đăng ký danh mục Quốc gia khác (nếu có):			
I. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT			
Tên thường gọi của chất: Rong biển	Mã sản phẩm (nếu có)		
Tên thương mại: Sea weed			
Tên khác (không là tên khoa học):			
Tên nhà cung cấp hoặc nhập khẩu, địa chỉ:	Địa chỉ liên hệ trong trường hợp khẩn cấp: Cty TNHH TM DV XNK Khánh An Sài Gòn 30/17 HT31, KP01, P.Hiệp Thành, Quận 12, TP.HCM Điện thoại: 028-6683.4499		
Tên nhà sản xuất và địa chỉ:			
Mục đích sử dụng: dùng trong sản xuất phân bón và công nghiệp khác			
II. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC CHẤT			
Tên thành phần	Số CAS	Công thức hóa học	Hàm lượng (% theo trọng lượng)
Sea weed	84775-78-0		
III. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT			
1. Mức xếp loại nguy hiểm (theo số liệu hợp lệ có sẵn của các quốc gia, tổ chức thử nghiệm. Ví dụ: EU, Mỹ, OSHA...)			
2. Cảnh báo nguy hiểm			
- Dễ cháy ở nhiệt độ cao			
- Phản ứng với các chất oxi hoá mạnh và axit			
- Lưu ý khi tiếp xúc, bảo quản, sử dụng.			
3. Các đường tiếp xúc và triệu chứng			
- Đường mắt: có thể gây đỏ và kích ứng nhẹ.			
- Đường da: không hấp thụ qua da			
- Đường miệng: Tiêu chảy có thể có thể gây thủng mô nhẹ của niêm mạc miệng, cổ họng, thực quản và dạ dày.			
- Đường thở: Sương mù hoặc phun có thể gây kích ứng cho hệ hô hấp trên.			
IV. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ			
1. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường mắt (bị văng, dây vào mắt)			

Kiểm tra và tháo bỏ kính sát trùng. Trong trường hợp tiếp xúc với mắt, rửa sạch ngay với thật nhiều nước. Chăm sóc y tế nếu các triệu chứng xảy ra.

2. Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da (bị dây vào da)

Rửa bằng xà phòng và nước. Chăm sóc y tế nếu các triệu chứng xảy ra.

3. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp (hít thở phải hóa chất nguy hiểm dạng hơi, khí)

Nếu hít phải để không khí trong lành. Nếu không thể thở, hô hấp nhân tạo. Chăm sóc y tế nếu các triệu chứng khác xảy ra.

4. Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa (ăn, uống nuốt nhầm hóa chất)

Không gây ói mửa, không cho bất cứ điều gì vào miệng của một người đã bất tỉnh. Chăm sóc y tế nếu xuất hiện các triệu chứng.

5. Lưu ý đối với bác sĩ điều trị (nếu có): Không có thuốc giải độc đặt hiệu. Nhân viên y tế phải liên hệ với trung tâm kiểm soát độc.

V. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

1. Xếp loại về tính cháy (dễ cháy, rất dễ cháy hoặc cực kỳ dễ cháy, không cháy, khó cháy...)

Dễ cháy ở nhiệt độ cao.

2. Sản phẩm tạo ra khi bị cháy: Không có thông tin

3. Các tác nhân gây cháy, nổ (tia lửa, tĩnh điện, nhiệt độ cao, va đập, ma sát...): Không có thông tin

4. Các chất dập cháy thích hợp và hướng dẫn biện pháp chữa cháy, biện pháp kết hợp khác

Sử dụng chất chống cháy thích hợp cho các ngọn lửa xung quanh.

5. Phương tiện, trang phục bảo hộ cần thiết khi chữa cháy

Chữa cháy phải trang bị bảo hộ thích hợp và tự thở có bộ máy (SCBA) với một khuôn mặt mảnh kín và hoạt động ở chế độ áp suất dương.

6. Các lưu ý đặc biệt về cháy, nổ (nếu có)

VI. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

Cảnh báo cá nhân: Sử dụng thiết bị bảo hộ thích hợp.

Những phòng ngừa thuộc về môi trường: Tránh làm lan đổ vật liệu, dòng chảy và liên hệ với đất, đường thủy, đường thoát nước và cống rãnh.

Các phương pháp làm sạch: Nếu nhân viên cấp cứu không có sẵn, chôn không hoặc cẩn thận múc lên vật chất bị đổ ra và đặt trong một container thích hợp để xử lý bằng cách đốt. Tránh tạo bụi điều kiện và ngăn chặn sự phát tán gió.

Sử dụng xẻng để xúc vật liệu tràn đổ và sử dụng phân bón bằng cách bón vào đất bằng cách sử dụng các biện pháp nông nghiệp và đất tốt sự quản lý. Tuân thủ tất cả các quy định của tiểu bang, địa phương và liên bang.

VII. YÊU CẦU VỀ CẤT GIỮ

1. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm (thông gió, chỉ dùng trong hệ thống kín, sử dụng thiết bị điện phòng nổ, vận chuyển nội bộ...)

2. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản (nhiệt độ, cách sắp xếp, các hạn chế về nguồn gây cháy, nổ, các chất cần tránh bảo quản chung...)

Giữ bình chứa đóng kín. Giữ vệ sinh bình chứa trong khu vực mát mẻ và thông thoáng.

Để duy trì chất lượng sản phẩm, không lưu trữ trong nhiệt hoặc ánh sáng mặt trời trực tiếp. Ngăn chặn sự cố tràn và tách khỏi mạnh chất oxy hóa. Sử dụng các biện pháp vệ sinh vệ sinh tốt như rửa tay bằng xà phòng sau khi xử lý. Tránh xa tầm với của trẻ em.

VIII. TÁC ĐỘNG LÊN NGƯỜI VÀ YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

1. Các biện pháp hạn chế tiếp xúc cần thiết (thông gió hoặc biện pháp giảm nồng độ hơi, khí trong khu vực làm việc, các biện pháp cách ly, hạn chế thời giờ làm việc ...)

Không yêu cầu thông gió đặt biệt. Thông gió chung tốt thì có thể đủ để kiểm soát lượng không khí. Nếu sản phẩm này chứa các thành phần có giới hạn tiếp xúc, sử dụng quá trình thùng, thông hơi tại chỗ hoặc các kiểm soát kỹ thuật khác để giữ cho công nhân tiếp xúc dưới bất kỳ giới hạn cho phép hoặc theo định luật.

2. Các phương tiện bảo hộ cá nhân khi làm việc

- Bảo vệ mắt: kính bảo hộ
- Bảo vệ thân thể: áo khoác phòng thí nghiệm
- Bảo vệ tay: găng tay thích hợp
- Bảo vệ chân: giày bảo hộ thích hợp

3. Phương tiện bảo hộ trong trường hợp xử lý sự cố

Như khi làm việc, trang bị thêm mặt nạ thở nếu thấy cần thiết.

4. Các biện pháp vệ sinh (tắm, khử độc...): bồn rửa mặt và vòi sen tắm.

IX. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT

Trạng thái vật lý: chất rắn, vảy, bột	Điểm sôi (°C): không có sẵn
Màu sắc: màu đen	Điểm nóng chảy (°C): không có sẵn
Mùi đặc trưng: mùi rong biển nhẹ	Điểm bùng cháy (°C) (Flash point) theo phương pháp xác định: không có sẵn
Áp suất hóa hơi (mm Hg) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn: không có sẵn	Nhiệt độ tự cháy (°C): không có sẵn
Tỷ trọng hơi (Không khí = 1) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn: không có sẵn	Giới hạn nồng độ cháy, nổ trên (% hỗn hợp với không khí): không có sẵn
Độ hòa tan trong nước: hoà tan trong nước	Giới hạn nồng độ cháy, nổ dưới (% hỗn hợp với không khí): không có sẵn
Độ PH: 3.5-4	Tỷ lệ hóa hơi: không có sẵn
Khối lượng riêng (kg/m ³)	Các tính chất khác nếu có

X. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG HOẠT ĐỘNG CỦA HÓA CHẤT

1. Tính ổn định (độ bền nhiệt, độ nhạy với tác nhân ma sát, va đập...): Sản phẩm ổn định

2. Khả năng phản ứng:

- Phản ứng phân hủy và sản phẩm của phản ứng phân hủy: phản ứng với các vật liệu oxi hoá
- Các phản ứng nguy hiểm (ăn mòn, cháy, nổ, phản ứng với môi trường xung quanh): Không có thông tin.
- Các chất có phản ứng sinh nhiệt, khí độc hại, các chất không bảo quản chung ...): Không có thông tin.
- Phản ứng trùng hợp: không xảy ra

XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Tên thành phần	Loại ngưỡng	Kết quả	Đường tiếp xúc	Sinh vật thử
Sea Weed	KHÔNG CÓ THÔNG TIN			

1. Các ảnh hưởng mãn tính với người (Ung thư, độc sinh sản, biến đổi gen ...)

Không phải là chất gây ung thư.

2. Các ảnh hưởng độc khác: Không có thông tin**XII. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI****1. Độc tính với sinh vật: Không có thông tin****2. Tác động trong môi trường**

- Mức độ phân hủy sinh học: không có thông tin
- Chỉ số BOD và COD: không có thông tin
- Sản phẩm của quá trình phân hủy sinh học: không có thông tin
- Mức độc tính của sản phẩm phân hủy sinh học: không có thông tin

XIII. YÊU CẦU TRONG VIỆC THẢI BỎ**1. Thông tin quy định tiêu hủy (thông tin về luật pháp)**

Vứt bỏ theo tất cả các quy định hiện hành của liên bang và địa phương.

2. Xếp loại nguy hiểm của chất thải: Không có thông tin**3. Biện pháp tiêu hủy: Không có thông tin****4. Sản phẩm của quá trình tiêu hủy, biện pháp xử lý: Không có thông tin****XIV. YÊU CẦU TRONG VẬN CHUYỂN**

Tên quy định	Số UN	Tên vận chuyển đường biển	Loại, nhóm hàng nguy hiểm	Quy cách đóng gói	Nhãn vận chuyển	Thông tin bổ sung
Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm của Việt Nam: - Nghị định số 104/2009/NĐ-CP ngày 09/11/2009 của CP quy định Danh mục hàng nguy hiểm và vận chuyển hàng nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; - Nghị định số 29/2005/NĐ-CP ngày 10/3/2005 của CP quy định Danh mục hàng hóa nguy hiểm và việc vận tải hàng hóa nguy hiểm trên đường thủy nội địa.						

Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm quốc tế của EU, USA...						
XV. QUY CHUẨN KỸ THUẬT VÀ QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT PHẢI TUÂN THỦ						
1. Tình trạng khai báo, đăng ký ở các quốc gia khu vực trên thế giới (liệt kê các danh mục quốc gia đã tiến hành khai báo, tình trạng khai báo) 2. Phân loại nguy hiểm theo quốc gia khai báo, đăng ký 3. Quy chuẩn kỹ thuật tuân thủ						
XVI. THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC						
Ngày tháng biên soạn Phiếu:						
Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 10-12-2018						
Tên tổ chức, cá nhân soạn thảo: Công ty TNHH TM DV XNK Khánh An Sài Gòn						
Lưu ý người đọc: Những thông tin trong Phiếu an toàn hóa chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hóa chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn. Hóa chất nguy hiểm trong Phiếu này có thể có những tính chất nguy hiểm khác tùy theo hoàn cảnh sử dụng và tiếp xúc						